ĐỀ THI mô phỏng

Công chức Hải quan

2027

Môn: Nghiệp vụ Chuyên ngành

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

CỤC HẢI QUAN
HỘI ĐỒNG THI CÔNG CHỨC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ SỐ 01
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH HẢI QUAN

Câu 1: Xuất xứ hàng hóa là:

A. Quốc gia nơi hàng hóa được đóng gói cuối cùng.

B. Quốc gia, vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được sản xuất toàn bộ hoặc thực hiện công đoạn gia công, chế biến cuối cùng đáp ứng quy tắc xuất xứ.

C. Quốc gia sở hữu thương hiệu.

D. Quốc gia có nhà nhập khẩu.

Câu 2: Việc xác định xuất xứ hàng hóa chủ yếu nhằm mục đích nào dưới đây?

A. Xác định phương thức thanh toán.

B. Hưởng ưu đãi thuế quan và áp dụng chính sách thương mại.

C. Xác định điều kiện giao hàng Incoterms.

D. Xác định hãng tàu vận chuyển.

Câu 3: Thuế xuất nhập khẩu được hiểu là:

A. Khoản phí dịch vụ do doanh nghiệp nộp khi làm thủ tục hải quan.

B. Khoản thu bắt buộc của Nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định pháp luật.

C. Khoản tiền doanh nghiệp tự nguyện đóng góp cho ngân sách.

D. Khoản tiền phạt khi vi phạm pháp luật hải quan.

Câu 4: Loại thuế nào dưới đây không phải lúc nào cũng phát sinh đối với hàng nhập khẩu?

A. Thuế nhập khẩu

B. Thuế GTGT

C. Thuế tiêu thụ đặc biệt

D. Thuế GTGT và Thuế nhập khẩu luôn phát sinh với mọi hàng hóa

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 5. Thủ tục hải quan được hiểu là gì?
A. Chỉ là việc khai báo hàng hóa với cơ quan Hải quan.
B. Tổng hợp các công việc mà người khai hải quan và cơ quan Hải quan phải thực hiện theo quy định pháp luật.
C. Chỉ là hoạt động kiểm tra thực tế hàng hóa.
D. Chỉ là hoạt động thu thuế đối với hàng xuất nhập khẩu.

Câu 6. Thủ tục hải quan được ví như "cầu nối" giữa:
A. Hoạt động sản xuất và hoạt động tiêu dùng.
B. Hoạt động thương mại quốc tế và hoạt động quản lý nhà nước về hải quan.
C. Hoạt động kế toán và hoạt động thuế.
D. Hoạt động vận tải và hoạt động bảo hiểm.

Câu 7. Tờ khai hải quan được hiểu đúng nhất là gì?
A. Chứng từ do cơ quan Hải quan lập để xác định số thuế phải thu.
B. Chứng từ do người khai hải quan sử dụng để cung cấp thông tin cần thiết về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan.
C. Chứng từ do người vận chuyển lập để xác nhận việc giao nhận hàng hóa.
D. Chứng từ thương mại do người bán phát hành cho người mua.

Câu 8. Vai trò nào sau đây không được xem là vai trò của tờ khai hải?
A. Là cơ sở để thực hiện thủ tục hải quan.
B. Là cơ sở để cơ quan Hải quan kiểm tra và quản lý hàng hóa.
C. Là cơ sở xác định nghĩa vụ thuế.
D. Là chứng từ thay thế hoàn toàn cho hợp đồng ngoại thương.

Câu 9. Sở hữu trí tuệ (SHTT) được hiểu là:
A. Quyền sở hữu đối với mọi loại tài sản của doanh nghiệp.
B. Các quyền hợp pháp phát sinh từ hoạt động sáng tạo trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật.
C. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
D. Quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 10. Quyền sở hữu trí tuệ được chia thành bao nhiêu nhóm chính?

A. 02 nhóm.

B. 03 nhóm.

C. 04 nhóm.

D. 05 nhóm.

Câu 11: Mã HS (HS Code) là viết tắt của cụm từ nào dưới đây?

A. Harmonized Shipping Code

B. Harmonized Commodity Description and Coding System

C. Harmonized System Cargo

D. Harmonized Standard Code

Câu 12: Mục đích quan trọng nhất của việc phân loại hàng hóa theo mã HS là gì?

A. Xác định hãng vận chuyển

B. Xác định trị giá hải quan

C. Xác định thuế áp dụng đối với hàng hóa

D. Xác định điều kiện thanh toán

Câu 13: Trị giá hải quan là:

A. Giá bán lẻ của hàng hóa tại Việt Nam.

B. Giá trị hàng hóa do doanh nghiệp tự xác định.

C. Giá trị của hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu được cơ quan hải quan xác định theo quy định của pháp luật để làm căn cứ tính thuế và quản lý hải quan.

D. Giá ghi trên hợp đồng ngoại thương.

Câu 14: Đối với hàng nhập khẩu, trị giá hải quan chủ yếu được xác định dựa trên:

A. Giá bán trong nước.

B. Giá thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán sau khi điều chỉnh theo quy định.

C. Giá tham khảo của cơ quan hải quan.

D. Giá niêm yết trên website nhà sản xuất.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 15: Chính sách mặt hàng được hiểu là gì?

A. Hệ thống quy định của doanh nghiệp về hoạt động xuất nhập khẩu.
B. Hệ thống các quy định của Nhà nước nhằm quản lý hoạt động xuất nhập khẩu đối với từng loại hàng hóa.
C. Danh mục thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
D. Quy định của cơ quan Hải quan về kiểm tra hàng hóa.

Câu 16: Đặc điểm nào dưới đây KHÔNG phải là đặc điểm của chính sách mặt hàng?

A. Được xây dựng trên cơ sở pháp luật.
B. Áp dụng giống nhau đối với mọi loại hàng hóa.
C. Thường xuyên thay đổi.
D. Liên quan đến nhiều cơ quan quản lý.

Câu 17: Đâu là vai trò của xuất xứ đối với doanh nghiệp xuất khẩu?

A. Chỉ phục vụ thống kê.
B. Được hưởng ưu đãi thuế, tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường.
C. Chỉ để khai báo trị giá hải quan.
D. Chỉ để xác định điều kiện giao hàng.

Câu 18: Phát biểu nào đúng khi phân biệt "xuất xứ hàng hóa" và "nơi sản xuất"?

A. Hai khái niệm luôn giống nhau.
B. Nơi sản xuất luôn là nơi có xuất xứ.
C. Xuất xứ được xác định theo quy tắc xuất xứ, còn nơi sản xuất là địa điểm thực tế sản xuất.
D. Chỉ khác nhau đối với hàng nông sản.

Câu 19: Thuế xuất khẩu hiện nay chủ yếu được áp dụng nhằm:

A. Khuyến khích xuất khẩu mọi loại hàng hóa.
B. Hạn chế xuất khẩu tài nguyên và nguyên liệu thô.
C. Tăng doanh số bán hàng của doanh nghiệp.
D. Hỗ trợ doanh nghiệp nhập khẩu.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 20: Căn cứ nào dưới đây không thuộc bốn căn cứ cơ bản để tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu?

A. Mã HS

B. Trị giá tính thuế

C. Thuế suất

D. Quốc tịch của người nhập khẩu

Câu 21. Một trong những vai trò của thủ tục hải quan đối với Nhà nước là:

A. Xác định giá bán hàng hóa trên thị trường nội địa.
B. Quản lý hoạt động xuất nhập khẩu.
C. Cấp tín dụng cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.
D. Tổ chức vận chuyển hàng hóa quốc tế.

Câu 22. Việc thực hiện đúng thủ tục hải quan giúp doanh nghiệp đạt được lợi ích nào sau đây?

A. Luôn được miễn toàn bộ các loại thuế.
B. Không bao giờ bị kiểm tra hàng hóa.
C. Hạn chế chi phí lưu kho, lưu bãi và giảm rủi ro xử phạt.
D. Được tự động áp dụng mọi ưu đãi thuế quan.

Câu 23. Nếu phân loại theo chiều dịch chuyển của hàng hóa, tờ khai hải quan được chia thành những nhóm cơ bản nào?

A. Tờ khai điện tử và tờ khai giấy.
B. Tờ khai luồng xanh và tờ khai luồng đỏ.
C. Tờ khai hàng hóa xuất khẩu và tờ khai hàng hóa nhập khẩu.
D. Tờ khai kinh doanh và tờ khai phi kinh doanh.

Câu 24. Trong tờ khai nhập khẩu, nhóm thông tin nào cần được đặc biệt chú trọng hơn so với tờ khai xuất khẩu?

A. Trị giá hải quan, xuất xứ và thuế nhập khẩu.
B. Chỉ thông tin về số container.
C. Chỉ thông tin về người xuất khẩu.
D. Chỉ thông tin về phương tiện vận chuyển.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 25. Nhóm nào dưới đây thuộc quyền sở hữu công nghiệp?

A. Quyền tác giả.

B. Quyền đối với giống cây trồng.

C. Nhãn hiệu.

D. Quyền liên quan.

Câu 26. Đối tượng nào sau đây không thuộc nhóm quyền tác giả?

A. Phần mềm máy tính.

B. Bài giảng.

C. Sách.

D. Nhãn hiệu.

Câu 27: Sáu số đầu của mã HS có đặc điểm nào?

A. Do từng quốc gia tự quy định

B. Thống nhất trên phạm vi quốc tế

C. Chỉ áp dụng tại Việt Nam

D. Được doanh nghiệp tự lựa chọn

Câu 28: Tổ chức nào chịu trách nhiệm xây dựng và cập nhật Hệ thống HS?

A. WTO

B. IMF

C. WCO

D. WB

Câu 29: Doanh nghiệp nhập khẩu có:

- **Giá FOB: 50.000 USD**
- **Freight: 2.000 USD**
- **Insurance: 500 USD**

Trị giá hải quan theo điều kiện CIF là:

A. 50.000 USD

B. 50.500 USD

C. 52.000 USD

D. 52.500 USD

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 30: Chức năng quan trọng nhất của trị giá hải quan là:

A. Quản lý ngoại hối.

B. Là căn cứ tính thuế.

C. Xác định tỷ giá.

D. Quản lý vận tải.

Câu 31: Một trong các mục tiêu của chính sách mặt hàng là gì?

A. Tăng giá bán hàng hóa.
B. Bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
C. Tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.
D. Giảm thuế nhập khẩu.

Câu 32: Vai trò nào sau đây thuộc chính sách mặt hàng trong quản lý nhà nước?

A. Quyết định tỷ giá hối đoái.
B. Kiểm soát hàng hóa ảnh hưởng đến quốc phòng và an ninh.
C. Ban hành chính sách tiền tệ.
D. Quy định lãi suất ngân hàng.

Câu 33: Apple là thương hiệu của Hoa Kỳ nhưng iPhone có thể sản xuất tại Việt Nam, Trung Quốc hoặc Ấn Độ. Điều này chứng minh rằng:

A. Xuất xứ luôn là Hoa Kỳ.

B. Xuất xứ phụ thuộc quốc gia đăng ký thương hiệu.

C. Xuất xứ hàng hóa được xác định theo quy tắc xuất xứ, không theo thương hiệu.

D. Không xác định được xuất xứ.

Câu 34: Hiệp định WTO về Quy tắc xuất xứ được xây dựng nhằm mục tiêu nào?

A. Thống nhất nguyên tắc xác định xuất xứ và tạo thuận lợi thương mại.

B. Quy định thuế nhập khẩu.

C. Ban hành Incoterms.

D. Điều chỉnh hợp đồng mua bán quốc tế.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 35: Nếu khai sai mã HS thì hậu quả nào dưới đây có thể xảy ra?

A. Sai số thuế phải nộp

B. Bị truy thu thuế

C. Bị xử phạt vi phạm hành chính

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 36: Thuế suất thông thường được xác định bằng:

A. 120% thuế suất MFN

B. 130% thuế suất MFN

C. 150% thuế suất MFN

D. 200% thuế suất MFN

Câu 37. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc thực hiện thủ tục hải quan?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Chính xác, trung thực.

C. Công khai, minh bạch.

D. Kiểm tra thực tế 100% mọi lô hàng.

Câu 38. Ai có thể là người khai hải quan?

A. Chỉ chủ hàng hóa.

B. Chỉ cán bộ Hải quan.

C. Chủ hàng, người được chủ hàng ủy quyền, đại lý làm thủ tục hải quan và một số chủ thể khác theo quy định.

D. Chỉ doanh nghiệp vận tải quốc tế.

Câu 39. Một doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa và sử dụng đại lý hải quan để thực hiện thủ tục. Nhận định nào sau đây đúng?

A. Đại lý hải quan đương nhiên trở thành người nhập khẩu.

B. Người nhập khẩu không còn bất kỳ trách nhiệm nào đối với thông tin khai báo.

C. Cần phân biệt chủ hàng/người nhập khẩu với đại lý thực hiện thủ tục theo ủy quyền.

D. Đại lý hải quan luôn là người chịu mọi nghĩa vụ thuế thay cho doanh nghiệp.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 40. Tại sao mã HS là một trong những thông tin đặc biệt quan trọng trên tờ khai hải quan?

A. Vì mã HS chỉ dùng để xác định tên thương mại của hàng hóa.
B. Vì mã HS liên quan đến thuế suất, chính sách quản lý, thống kê thương mại và một số biện pháp quản lý chuyên ngành.
C. Vì mã HS thay thế hoàn toàn cho mô tả hàng hóa.
D. Vì mã HS chỉ được sử dụng trong hoạt động thống kê.

Câu 41. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có thể là:

A. Chỉ cá nhân.

B. Chỉ doanh nghiệp.

C. Chỉ cơ quan nhà nước.

D. Cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khác theo quy định.

Câu 42. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm cơ bản của quyền sở hữu trí tuệ?

A. Có giới hạn về thời gian.

B. Có giới hạn về không gian.

C. Có giới hạn về nội dung quyền.

D. Có hiệu lực trên toàn thế giới mà không cần xác lập quyền.

Câu 43: Hệ thống HS chính thức có hiệu lực từ năm nào?

A. 1980

B. 1983

C. 1988

D. 1992

Câu 44: Trong Hệ thống HS, cấp nào có giá trị pháp lý thống nhất giữa các quốc gia thành viên?

A. Phần (Section)

B. Chương (Chapter)

C. Nhóm (Heading)

D. Phân nhóm 6 số (Subheading)

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 45: Khoản nào dưới đây có thể phải cộng vào trị giá hải quan nếu đáp ứng điều kiện pháp luật?

A. Thuế VAT nội địa.

B. Phí vận chuyển quốc tế.

C. Chi phí vận chuyển từ cảng Cát Lái về Bình Dương.

D. Lệ phí hải quan.

Câu 46: Một trong các vai trò của trị giá hải quan là:

A. Cấp giấy phép đầu tư.

B. Chống gian lận thương mại.

C. Cấp giấy chứng nhận xuất xứ.

D. Cấp vận đơn.

Câu 47: Biện pháp nào sau đây góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng?

A. Kiểm tra chất lượng.
B. Kiểm tra an toàn thực phẩm.
C. Kiểm dịch động vật và thực vật.
D. Tất cả các phương án trên.

Câu 48: Hàng rào thuế quan là việc sử dụng công cụ nào để quản lý hoạt động xuất nhập khẩu?

A. Giấy phép.
B. Hạn ngạch.
C. Thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu.
D. Kiểm dịch.

Câu 49: Bộ Công Thương có vai trò nào sau đây trong quản lý xuất xứ hàng hóa?

A. Ban hành Incoterms.

B. Hướng dẫn quy tắc xuất xứ và quy trình cấp C/O.

C. Thu thuế nhập khẩu.

D. Cấp mã HS.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 50: Xuất xứ ưu đãi là cơ sở để:

A. Áp dụng điều kiện FOB.

B. Hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA.

C. Xác định trị giá tính thuế.

D. Xác định phương thức thanh toán.

Câu 51: Để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo FTA, hàng hóa phải đáp ứng điều kiện nào sau đây?

A. Chỉ cần có giá bán thấp.

B. Chỉ cần có mã HS.

C. Đáp ứng quy tắc xuất xứ và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hợp lệ theo quy định.

D. Chỉ cần doanh nghiệp đề nghị.

Câu 52: Thuế chống bán phá giá được áp dụng nhằm mục đích:

A. Tăng thu ngân sách.

B. Khuyến khích nhập khẩu.

C. Bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước hành vi bán phá giá.

D. Giảm giá hàng nhập khẩu.

Câu 53. Loại hàng hóa nào sau đây thuộc đối tượng phải làm thủ tục hải quan?

A. Chỉ hàng nhập khẩu.

B. Chỉ hàng xuất khẩu.

C. Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh theo phạm vi quy định.

D. Chỉ hàng hóa mua bán giữa các doanh nghiệp trong nước.

Câu 54. ICD trong hoạt động hải quan được hiểu là:

A. Kho ngoại quan.

B. Cảng cạn.

C. Địa điểm kiểm tra tập trung.

D. Trạm kiểm dịch quốc tế.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 55. Một lô hàng được sản xuất tại Trung Quốc, bán bởi doanh nghiệp Singapore và vận chuyển từ Singapore sang Việt Nam. Theo nguyên tắc, nhận định nào phù hợp nhất?

A. Singapore đương nhiên là nước xuất xứ vì hàng được gửi từ Singapore.
B. Singapore đương nhiên là nước xuất xứ vì doanh nghiệp bán hàng đặt tại Singapore.
C. Không thể mặc nhiên coi Singapore là nước xuất xứ của hàng hóa.
D. Việt Nam là nước xuất xứ vì hàng được nhập khẩu vào Việt Nam.

Câu 56. Luồng vàng được hiểu khái quát là trường hợp nào?

A. Không kiểm tra hồ sơ và không kiểm tra thực tế hàng hóa.
B. Chỉ kiểm tra thực tế hàng hóa.
C. Cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ.
D. Doanh nghiệp được miễn toàn bộ thủ tục hải quan.

Câu 57. Một trong những vai trò của SHTT đối với hoạt động xuất nhập khẩu là:

A. Miễn thuế nhập khẩu.
B. Ngăn chặn hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT.
C. Giảm thuế giá trị gia tăng.
D. Miễn kiểm tra hải quan.

Câu 58. Điều kiện nào sau đây không thuộc điều kiện bảo hộ sáng chế:

A. Có tính mới.
B. Có trình độ sáng tạo.
C. Có khả năng áp dụng công nghiệp.
D. Có giá trị thương mại cao.

Câu 59: Việt Nam hiện sử dụng mã HS có bao nhiêu chữ số trong Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu?

A. 4 số
B. 6 số
C. 8 số
D. 10 số

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 60: Trong cấu trúc mã HS, bốn chữ số đầu biểu thị cấp nào?

A. Phần

B. Chương

C. Nhóm

D. Phân nhóm

Câu 61: Việc xác định đúng trị giá hải quan giúp doanh nghiệp:

A. Không cần lưu chứng từ.

B. Không phải nộp thuế.

C. Giảm rủi ro pháp lý và hạn chế bị truy thu thuế.

D. Không cần khai báo hải quan.

Câu 62: Thuế nào dưới đây có liên quan đến trị giá hải quan?

A. Thuế nhập khẩu.

B. Thuế xuất khẩu.

C. Thuế VAT hàng nhập khẩu.

D. Cả A, B và C.

Câu 63: Biện pháp nào dưới đây thuộc hàng rào phi thuế quan?

A. Thuế nhập khẩu.
B. Thuế xuất khẩu.
C. Giấy phép nhập khẩu.
D. Thuế giá trị gia tăng.

Câu 64: Biện pháp bảo vệ thương mại bao gồm nội dung nào sau đây?

A. Chống bán phá giá.
B. Chống trợ cấp.
C. Tự vệ thương mại.
D. Cả A, B và C.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 65: Xuất xứ không ưu đãi thường được sử dụng trong trường hợp nào?

A. Chỉ để hưởng ưu đãi EVFTA.

B. Chỉ áp dụng trong ASEAN.

C. Áp dụng chống bán phá giá, chống trợ cấp, thống kê thương mại và quản lý nhập khẩu.

D. Chỉ dành cho hàng nông sản.

Câu 66: Điều kiện nào sau đây không phải là điều kiện để áp dụng xuất xứ ưu đãi?

A. Có FTA giữa các bên.

B. Hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ.

C. Có chứng từ chứng minh xuất xứ hợp lệ.

D. Hàng hóa phải được vận chuyển bằng đường biển.

Câu 67: Thời điểm chủ yếu để xác định chính sách thuế và mức thuế áp dụng là:

A. Thời điểm ký hợp đồng.

B. Thời điểm hàng cập cảng.

C. Thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

D. Thời điểm thanh toán.

Câu 68: Doanh nghiệp tra cứu Biểu thuế nên thực hiện bước đầu tiên là:

A. Kiểm tra xuất xứ hàng hóa.

B. Thu thập đầy đủ thông tin về hàng hóa.

C. Tính thuế GTGT.

D. Xác định thuế TTĐB.

Câu 69. Theo quy trình thủ tục hải quan điện tử, sau bước khai báo VNACCS, bước tiếp theo là:

A. Nộp thuế ngay.

B. Đưa hàng ra khỏi khu vực giám sát.

C. Tiếp nhận tờ khai.

D. Kiểm tra thực tế hàng hóa ngay lập tức.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 70. Một doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ tốt. Theo nguyên tắc quản lý rủi ro, việc lựa chọn kiểm tra đối với doanh nghiệp này có xu hướng như thế nào?

A. Luôn kiểm tra 100% hàng hóa.
B. Giảm kiểm tra đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt.
C. Tự động chuyển tất cả tờ khai sang luồng đỏ.
D. Không cần thực hiện thủ tục hải quan.

Câu 71. Doanh nghiệp vừa gửi tờ khai điện tử thành công và cho rằng hàng hóa đương nhiên đã được thông quan. Nhận định nào đúng?

A. Đúng, gửi tờ khai thành công đồng nghĩa hàng đã thông quan.
B. Đúng, nếu hệ thống đã cấp số tờ khai.
C. Sai, doanh nghiệp phải theo dõi trạng thái xử lý và đáp ứng các yêu cầu cần thiết trước khi hàng được thông quan.
D. Sai, vì mọi tờ khai đều bắt buộc phải kiểm tra thực tế.

Câu 72. Công ty A nhập khẩu một lô hàng gồm 100 máy in, 500 hộp mực và 200 bộ linh kiện máy in. Nếu các mặt hàng có mã HS, đơn vị tính, xuất xứ hoặc mức thuế khác nhau, cách khai nào phù hợp nhất?

A. Gộp toàn bộ thành một dòng hàng vì cùng thuộc lĩnh vực máy in.
B. Gộp toàn bộ thành một dòng nếu cùng một nhà cung cấp.
C. Thể hiện thành các dòng hàng phù hợp với đặc điểm khai báo của từng mặt hàng.
D. Chỉ cần khai mặt hàng có giá trị cao nhất.

Câu 73. Bằng độc quyền sáng chế có thời hạn bảo hộ là:

A. 05 năm.
B. 10 năm.
C. 20 năm kể từ ngày nộp đơn.
D. Vô thời hạn.

Câu 74. Chủ sở hữu sáng chế có quyền nào dưới đây?

A. Độc quyền sản xuất và nhập khẩu sản phẩm được bảo hộ.
B. Tự động miễn thuế nhập khẩu.
C. Tự động xử phạt hành chính người vi phạm.
D. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 75: Khi đọc một mã HS hoàn chỉnh nên thực hiện bước nào đầu tiên?

A. Đọc chú giải chương

B. Xác định 2 số đầu để biết Chương

C. Kiểm tra biểu thuế

D. Xác định thuế GTGT

Câu 76: Việc khai sai mã HS có thể dẫn đến hậu quả nào dưới đây?

A. Chỉ phải sửa tên hàng

B. Không ảnh hưởng gì

C. Có thể bị truy thu thuế và xử phạt

D. Chỉ bị nhắc nhở

Câu 77: Hiệp định quốc tế trong việc xác định trị giá hải quan là:

A. Hiệp định GATT.

B. Hiệp định SPS.

C. Hiệp định Trị giá Hải quan của WTO.

D. Hiệp định TRIPS.

Câu 78: Doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật:

A. Giá vàng.

B. Tỷ giá thị trường tự do.

C. Các nghị định và thông tư hướng dẫn mới về trị giá hải quan.

D. Giá cổ phiếu.

Câu 79: Cơ sở pháp lý của chính sách mặt hàng bao gồm văn bản nào dưới đây?

A. Luật Hải quan.
B. Luật Quản lý ngoại thương.
C. Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
D. Tất cả các phương án trên.

Câu 80: Trước khi đăng ký tờ khai hải quan, người khai hải quan phải thực hiện công việc nào trước tiên?

A. Xin hoàn thuế.
B. Xác định đúng chính sách mặt hàng áp dụng đối với hàng hóa.
C. Nộp thuế nhập khẩu.
D. Đăng ký kiểm tra sau thông quan.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015